**QUY TRÌNH**

**(Thực hiện thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo Nghị định 42/2020/NĐ-CP)**

| **Bước** | **Trình tự thực hiện công việc** | **Thời gian thực hiện**  ĐVT: ngày làm việc | **Phân công phối hợp** | | **Sản phẩm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bảo Bình Chemicals** | **Khách hàng** |
| **Bước 1** | Biên soạn hồ sơ cấp Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm theo Nghị định 42/2020/NĐ-CP. | **05** (năm) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. | BBC tiến hành lập hồ sơ theo quy định. | Kiểm tra thông tin và ký tên, đóng dấu. | Bộ hồ sơ theo biểu mẫu quy định của Nghị định 42/2020/NĐ-CP. |
| **Bước 2** | Nộp hồ sơ cấp Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm đến Cơ quan quản lý nhà nước. | **10** (năm) ngày kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận. | Nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. | Khách hàng ủy quyền cho BBC. | Thực hiện theo Giấy ủy quyền được ký kết giữa 02 bên. |
| **Bước 3** | Hiệu chỉnh và bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Cơ quan cơ quan có thẩm quyền. (Nếu có) | **03** (ba) ngày kể từ ngày có thông báo ra điều chỉnh hồ sơ. | BBC thực hiện tư vấn. |  | Bộ hồ sơ hoàn chỉnh theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền. |
| **Bước 4** | Nộp lại hồ sơ đến Cơ quan quản lý nhà nước. | **10** (Mười) ngày kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận. | Nộp hồ sơ trên Hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải về đường bộ. | Khách hàng ủy quyền cho BBC. | Thực hiện theo Giấy ủy quyền được ký kết giữa 02 bên. |
| **Bước 5** | Nộp hồ sơ cấp Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm đến Cơ quan quản lý nhà nước. | **02** (hai) ngày kể từ ngày có thông báo ra kết quả. | BBC nhận kết quả và lập hồ sơ bàn giao. | Thanh toán chi phí theo Hợp đồng. | Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm nhóm 1, 2, 3, 4, 9.  Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm nhóm 5, 8. |